

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi: Tiểu dự án Buôn Ma Thuột -
Dự án phát triển các thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh và Đắk Lắk**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Thông tư số 04/2007/TT-BKHĐT ngày 30/7/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Thông tư 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 29/3/2010 của UBND tỉnh về việc phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Công văn số 741/TTg-QHQT ngày 24/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án Phát triển các thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh và Đắk Lắk vay vốn ADB;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 144/TTr-SKHĐT ngày 05/6/2013 và Báo cáo số 143/BC-SKHĐT ngày 05/6/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi: Tiểu dự án Buôn Ma Thuột - Dự án phát triển các thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh và Đắk Lắk, với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Tiểu dự án Buôn Ma Thuột - Dự án phát triển các thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh và Đắk Lắk.
2. Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Đắk Lắk.
3. Chủ đầu tư:
 - UBND thành phố Buôn Ma Thuột (chủ đầu tư: Hợp phần BMT3: Xây dựng đường chiến lược – Đường Mai Thị Lựu);

- Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường (chủ đầu tư: Hợp phần BMT1: Quản lý môi trường – Quản lý chất thải rắn và xây dựng bãi chôn lấp; Hợp phần BMT2: Xây dựng đường chiến lược – Đường Trần Quý Cáp).

4. Tổ chức tư vấn lập dự án:

- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Đắc Lắc: lập dự án Hợp phần BMT3: Xây dựng đường chiến lược – Đường Mai Thị Lựu;

- Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hùng Đạt: Lập dự án Hợp phần BMT1: Quản lý môi trường – Quản lý chất thải rắn và xây dựng bãi chôn lấp; Hợp phần BMT2: Xây dựng đường chiến lược – Đường Trần Quý Cáp.

5. Mục tiêu đầu tư:

- Mục tiêu dài hạn.

+ Mục tiêu lâu dài của dự án là thúc đẩy sự chuyển đổi thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên và trực thuộc Trung ương trước năm 2020 thông qua việc nâng cấp cơ sở hạ tầng đô thị ưu tiên và xây dựng năng lực tổ chức, từng bước trở thành trung tâm giáo dục - nghiên cứu khoa học, y tế của vùng Tây Nguyên và khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia...;

+ Từng bước đáp ứng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Mục tiêu ngắn hạn.

+ Đóng cửa bãi đổ thải hiện có vào năm 2015; Hoàn thiện hệ thống thu gom rác và đầu tư xây dựng 01 khu xử lý rác thải rắn và rác thải độc hại nguy hiểm;

+ Nâng cấp, mở rộng 02 tuyến đường đô thị hiện có;

+ Nâng cao nếp sống văn hóa đô thị, nhất là nhận thức của nhân dân trong việc giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;

+ Nâng cao năng lực quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình của các cấp chính quyền và cộng đồng dân cư.

6. Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn xã Cư Êbur, xã Hòa Phú, phường Ea Tam, phường Tự An, phường Tân Lập thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

7. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

7.1. Hợp phần BMT1: Quản lý môi trường – Quản lý chất thải rắn và xây dựng bãi chôn lấp.

a) Xây dựng Cơ sở xử lý chất thải rắn Hòa Phú:

Cơ sở xử lý chất thải rắn Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột được xây dựng trên tổng diện tích khu đất là 104 ha. Diện tích xây dựng trực tiếp (giai đoạn I) là 52ha, thể tích của bãi chôn lấp hoàn thiện là 3.400.000m³ đến 4.000.000m³. Thể tích này đủ để vận hành cho bãi rác trong vòng 25 năm, phù hợp với mức tăng dân số hàng năm của thành phố Buôn Ma Thuột ở mức 3,17% năm (hiện tại khối lượng thu gom xử lý rác thải sinh hoạt là 200 tấn/ngày đêm). Tổ chức bãi xử lý chất thải rắn theo hình thức tập trung tạo thành khu liên hợp xử lý chất thải rắn khép kín.

Tổng diện tích đất của dự án (GĐI): 524.182 m², trong đó:

- Diện tích đất xây dựng công trình : 2.599 m²

- Diện tích sân bãi : 4.156 m²

- Diện tích Ô-chôn lấp : 59.249 m²

- Diện tích đường-giao thông : 32.645 m²

- Mật độ xây dựng : 0,49%

Quy mô và đặc điểm xây dựng:

- Nhà thường trực: Nhà tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng, nhà hình vuông: Sàn mái BTCT, tường xây gạch sơn nước, nền lát gạch ceramic loại 300x300. Diện tích xây dựng 16,00m²;

- Trạm cân xe: Tiêu chuẩn cấp IV. Diện tích xây dựng 60m²; công suất cân 60 tấn;

- Trạm rửa xe: Nhà tiêu chuẩn cấp IV. Diện tích xây dựng 375m², đáp ứng 03 xe thường xuyên;

- Nhà điều hành: Nhà tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng, nhà hình chữ nhật: Mái lợp tôn, khung, cột, móng sàn bê tông chịu lực, tường xây gạch sơn nước, nền lát gạch ceramic loại 500x500. Diện tích xây dựng 286,00m²;

- Nhà để xe cán bộ nhân viên: Nhà tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng, nhà hình chữ nhật: Mái lợp tôn, xà gỗ khung cột vì kèo thép, nền bê tông. Diện tích xây dựng 144,00 m²;

- Nhà để xe ô tô + Kho cơ điện: Nhà tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng nhà hình chữ nhật: Mái lợp tôn, cột khung mái thép, tường xây kết hợp vách tôn phía trên, nền bê tông mác 200 dày 70mm. Diện tích xây dựng 1.229 m²;

- Nhà ăn + bếp: Nhà tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng, nhà hình chữ nhật: Mái lợp tôn, tường xây chịu lực có sơn nước, nền lát gạch Ceramic loại 500x500. Diện tích xây dựng 215,50 m²;

- Nhà nghỉ công nhân viên: Nhà tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng, nhà hình chữ nhật: Mái lợp tôn, móng khung cột sàn bê tông cốt thép chịu lực, tường xây gạch có sơn nước, nền lát gạch Ceramic loại 500x500. Diện tích xây dựng 246 m²;

- Các hạng mục phụ trợ khác:

+ Cổng tường rào: Cổng rộng 14m, cao 4,5m; tường rào xây kín cao 1,8m có tổng chiều dài 3776m;

+ Giếng khoan: Sâu 80m, đường kính 140mm kèm theo hệ thống bơm và ống dẫn lên đài nước;

+ Đài nước 50m³, bằng hệ thống khu đỡ và bể bằng bê tông cốt thép cao 13.5m;

+ Bể nước PCCC: 50m³, bằng bê tông cốt thép;

+ Sân bãi nội bộ kết hợp thể dục thể thao: Bể bê tông mác 200 dày 100mm, có tổng diện tích 4.156m²;

+ Cây xanh: Có tổng diện tích 1.378m²;

- Khu chôn lấp rác thải: Bao gồm 02 ô chôn rác, có tổng diện tích 59.249m² và các hệ thống đi kèm gồm: Lớp đáy hồ chống thấm, hệ thống thu gom nước rỉ, hố ga, ống thoát khí...

- Đường giao thông nội bộ:

* Tổng chiều dài của 3 đoạn đường loại I (D1, D2 và D3): 1.169,54m

- Kết cấu mặt đường: Cấp cao A1;
- Xây dựng mặt đường chỉ giới đường đỏ 26m trong đó bao gồm: 6,0m x2 bên, giải phân cách 2,0m vỉa hè 6,0m x 2 bên;

- Mặt đường có cấu tạo từ trên xuống như sau:

- + Bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 15) dày 5cm;
- + Bê tông nhựa chặt hạt trung (BTNC 25) dày 7cm;
- + Cấp phối đá dăm loại 1 ($D_{max}=25$) dày 15cm;
- + Cấp phối đá dăm loại 2 ($D_{max}=37,5$) dày 33cm;
- + Đất nền Bazan ổn định $E_n=40\text{Mpa}$ ($K_{yc}>0.98$).

- Hệ thống thoát nước mưa dọc tuyến gồm:

- + Công tròn ngang đường D1500;
- + Công dọc D800;
- + Công thu nước ngang đường D400;
- + Công nổi cửa xả D1000;
- + Hồ thu các loại.

* Tổng chiều dài của đoạn đường loại II (D4): 387,00m

- Xây dựng mặt đường 6m, có cấu tạo từ trên xuống như sau:

- + Đá dăm sạn phủ mặt dày 3cm;
- + Cấp phối đá dăm loại 1 ($D_{max}=25$) dày 15cm;
- + Cấp phối đá dăm loại 2 ($D_{max}=37,5$) dày 33cm;
- + Đất nền Bazan ổn định $E_n=40\text{Mpa}$ ($K_{yc}>0.98$).

- Hệ thống mương hở thoát nước mưa dọc 2 bên đường.

b) Đóng Bãi rác Cư Êbur:

Quy mô Bãi rác Cư Êbur là 22ha trong đó diện tích ô chôn lấp là 6,9ha (gồm ô AB diện tích 3,764ha và ô 1 diện tích 3,1396ha).

- San ủi và tạo độ dốc cho bãi rác;
- Thi công rãnh lọc nước rác theo chu vi bãi rác;
- Phủ bề mặt bằng đất phủ có hàm lượng sét cao, nén chặt theo mặt nghiêng;
- Lắp đặt xây dựng 04 giếng lấy mẫu nước ngầm có nắp đặt tại khu vực;
- Trồng cỏ trên đỉnh của lớp phủ cuối cùng.

7.2. Hợp phần BMT2: Xây dựng đường chiến lược – Đường Trần Quý Cáp.

Quy mô xây dựng:

- Tổng chiều dài của tuyến đường 3,943km. Mặt cắt ngang của tuyến đường 30m trong đó mặt đường rộng 14m, giải phân cách giữa 4m, vỉa hè 6m x 2 bên = 12m;

- Cấp công trình: Cấp III;
- Kết cấu mặt đường: cấp cao A1;
- Modul đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} \geq 155\text{ Mpa}$.

Cấp kỹ thuật: Đường phố khu vực.

- Vận tốc thiết kế 50km/h;
- Mặt đường cấp cao chủ yếu A1;
- Kết cấu mặt đường mở rộng từ trên xuống như sau:
 - + Bê tông nhựa chặt hạt mịn ($D_{max}=15$) dày 5cm;
 - + Bê tông nhựa chặt hạt trung ($D_{max}=20$) dày 7cm;

- + Cấp phối đá dăm loại 1 ($D_{max}=25$) dày 15cm;
- + Cấp phối đá dăm loại 2 ($D_{max}=37.5$) dày 30cm;
- + Nền đất Bazan ổn định $E_n=35\text{Mpa}$ ($k_{yc}>0.98$).

- Hệ thống cơ sở hạ tầng khác:

- + Công thoát nước mưa dùng cống BTCT ly tâm, đặt dưới lòng đường;
- + Công thoát nước tại các cửa xả bằng bê tông cốt thép;
- + Công hộp kỹ thuật quy mô vĩnh cửu bằng bê tông cốt thép;
- + Vía hè lát gạch (KT: 400x400x30mm);
- + Lốc vỉa bằng bê tông.

- Hệ thống điện chiếu sáng:

- + Cột điện đặt giữa lòng đường

7.3. Hợp phần BMT3: Xây dựng đường chiến lược – Đường Mai Thị Lựu.

Quy mô xây dựng:

- Tổng chiều dài của tuyến đường 2,575km. Mặt cắt ngang của tuyến đường 24m trong đó mặt đường rộng 14m, vỉa hè 5m x 2 bên = 10m

- Cấp công trình: Cấp III;
- Kết cấu mặt đường: cấp cao A1;
- Modul đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} \geq 155 \text{ Mpa}$;
- Tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn 120 Kn.

Cấp kỹ thuật: Đường chính khu vực.

- Vận tốc thiết kế 40km/h;
- Mặt đường cấp cao chủ yếu A1;
- Kết cấu mặt đường như sau:
 - + Bê tông nhựa chặt hạt nhỏ ($D_{max}=15$) dày 5cm;
 - + Bê tông nhựa chặt hạt thô ($D_{max}=25$) dày 7cm;
 - + Cấp phối đá dăm loại 1 ($D_{max}=25$) dày 15cm;
 - + Cấp phối đá dăm loại 2 ($D_{max}=37.5$) dày 30cm;
 - + Nền đất xử lý $E_n=50\text{Mpa}$ ($k_{yc}>0.98$).

- Hệ thống cơ sở hạ tầng khác:

- + Công thoát nước mưa dùng cống BTCT ly tâm, đặt dưới lòng đường;
- + Công thoát nước tại các cửa xả bằng bê tông cốt thép;
- + Công hộp kỹ thuật quy mô vĩnh cửu bằng bê tông cốt thép M250;
- + Vía hè lát gạch (KT: 400x400x30mm);
- + Lốc vỉa bằng bê tông.

- Hệ thống điện chiếu sáng:

- + Cột điện chiếu sáng bằng thép và được đặt tại hai bên hè đường.

7.4. Hợp phần BMT4: Quản lý dự án và nâng cao năng lực.

- Hỗ trợ kỹ thuật cho Hội Phụ nữ; hỗ trợ kỹ thuật thực hiện dự án; chi phí đào tạo/tập huấn; phương tiện/xe cộ; giám sát môi trường; giám sát xã hội; kiểm toán tài chính.

8. Diện tích sử dụng đất: Tổng diện tích sử dụng đất: 70,01ha, trong đó:

- Hợp phần BMT1: Quản lý môi trường - Quản lý chất thải rắn và xây dựng bãi chôn lấp 52ha;

- Hợp phần BMT2: Xây dựng đường chiến lược - Đường Trần Quý Cáp.
11,83ha;

- Hợp phần BMT3: Xây dựng đường chiến lược - Đường Mai Thị Lựu 6,18ha.

9. Tổng mức đầu tư:

TT	Hạng mục chi phí	Thành tiền	
		VND	USD
A	Chi phí đầu tư	744.841.062.878	35.810.000
1	Nhà máy xử lý chất thải rắn, bãi chôn lấp rác	193.937.938.969	9.324.000
2	Đường Trần Quý Cáp	191.320.710.794	9.198.000
3	Đường Mai Thị Lựu	81.927.816.217	3.939.000
4	Đền bù, giải phóng mặt bằng	153.982.190.300	7.403.000
5	Quản lý dự án và nâng cao năng lực	26.656.145.455	1.282.000
6	Thuế và các khoản phí	49.384.261.144	2.374.000
7	Dự phòng chi phí đầu tư xây dựng phát sinh	47.632.000.000	2.290.000
B	Dự phòng phí	100.753.163.029	4.844.000
1	Dự phòng cơ học	71.822.400.000	3.453.000
2	Dự phòng giá	28.930.763.028	1.391.000
C	Phí tài chính trong quá trình thực hiện dự án	16.577.600.000	797.000
1	Lãi suất trong quá trình xây dựng	16.577.600.000	797.000
2	Phí cam kết		0
D	Tổng mức đầu tư (cộng (A+B+C))	862.171.825.907	41.451.000

(Tỷ giá 01USD = 20.800 VND)

10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay ODA và vốn đối ứng, chi tiết như sau:

Khoản mục	ADB		Vốn đối ứng		Tổng cộng	Tỷ lệ
	Vốn vay	%	Vốn đối ứng	%		
A. Chi phí đầu tư	27.195	65,6%	9.591	23,1%	36.786	88,8%
Nhà máy xử lý chất thải rắn	8.815	21,3%	0	0,0%	8.815	21,3%
Đường Trần Quý Cáp	8.596	20,7%		0,0%	8.596	20,7%

Đường Mai Thị Lựu	3.681	8,9%		0,0%	3.681	8,9%
Đền bù, giải phóng mặt bằng		0,0%	7.403	17,9%	7.403	17,9%
Quản lý dự án và nâng cao năng lực	1.282	3,1%	0	0,0%	1.282	3,1%
Thuế và các khoản phí		0,0%	2.188	5,3%	2.188	5,3%
Dự phòng chi phí đầu tư xây dựng phát sinh	4.821	11,6%			4.821	11,6%
B. Dự phòng phí	3.668	8,8%	200	0,5%	3.868	9,3%
1. Dự phòng cơ học	2.561	6,2%	200	0,5%	2.761	6,7%
2. Dự phòng giá	1.107	2,6%		0,0%	1.107	2,6%
C. Phí tài chính trong quá trình thực hiện dự án	797	1,9%	0	0,0%	797	1,9%
1. Lãi suất trong quá trình xây dựng	797	1,9%	0	0,0%	797	1,9%
2. Phí cam kết	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
Cộng (A+B+C)	31.660	76,4%	9.791	23,6%	41.451	100,0%

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2013.

13. Tổ chức thực hiện dự án:

- Chủ đầu tư phải thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi tổ chức thực hiện đầu tư dự án;

- Khi thực hiện đầu tư dự án, chủ đầu tư phải thực hiện đúng quy định của nguồn vốn cho vay;

- Trước khi tổ chức đấu thầu, chủ đầu tư trình Sở Xây dựng thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình;

- Các chủ đầu tư căn cứ các nội dung được phê duyệt để phối hợp xây dựng phương án tổ chức thực hiện, phân bổ hợp lý các nguồn vốn đầu tư, đảm bảo các hợp phần của dự án hoàn thành đúng tiến độ, phát huy hiệu quả và theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và nhà tài trợ ADB.

14. Một số nội dung khác:

- Quyết định này thay thế Quyết định số 2877/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng, nâng cấp đường Trần Quý Cáp, đoạn Y Wang – Nguyễn Văn Cừ, thành phố Buôn Ma Thuột;

- Chủ đầu tư chỉ được thanh toán một lần đối với chi phí tư vấn lập dự án của 02 hợp phần BMT2, BMT3.

Điều 2. Các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện đúng nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này; quản lý đầu tư và xây dựng theo đúng pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Như điều 3;
 - Các PCVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN (VT-25).
- (QĐUB-Báo cáo nghiên cứu khả thi Tiểu dự án BMT)

CHỦ TỊCH



Hoàng Trọng Hải